

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL XUÂN THỦY**

**CHỦ SỞ HỮU: UBND TỈNH NAM ĐỊNH
Năm báo cáo: 6 tháng đầu năm 2021**

1. CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1.1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty

a. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy có hoạt động đặc thù trong lĩnh vực thủy nông, sản lượng sản xuất sản phẩm chủ yếu của công ty là diện tích tưới, tiêu mà công ty phục vụ cho địa bàn huyện Giao Thủy và Xuân Trường.

- Diện tích tưới tiêu mà công ty thực hiện 6 tháng đầu năm 2021 là: 29.084,55 ha, đạt 65% kế hoạch năm 2021; bằng 99,8% so với cùng kỳ năm 2020.

- Về doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2021 là: 25.217 triệu đồng, đạt 49% so với kế hoạch năm 2021, bằng 74% so với cùng kỳ năm 2020.

- Về lợi nhuận kế toán sau thuế thực hiện 6 tháng đầu năm 2021 là: 109 triệu đồng, bằng 68% kế hoạch năm và bằng 21% so với thực hiện cùng kỳ năm 2020.

b. Tình hình tài chính doanh nghiệp

- Về khả năng sinh lời: Đơn vị có tỷ suất lợi nhuận sau thuế /vốn chủ sở hữu (ROE) của 6 tháng đầu năm 2021 là: 0,013%; Có tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA) của 6 tháng đầu năm 2021 là: 0,012%.

- Về khả năng thanh toán: Công ty có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn là: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn là 4,73 lần đảm bảo an toàn về tài chính.

- Công ty có hệ số VCSH/Tổng tài sản là: 0,997 như vậy tài sản của công ty được hình thành từ 99,7% từ nguồn vốn chủ sở hữu, phần còn lại được hình thành từ các nguồn hợp pháp khác.

c. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

- Công ty không có hoạt động đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh và cũng không có hoạt động huy động vốn.

- Vốn chủ sở hữu của kỳ báo cáo là: 838.419 triệu đồng, tăng 109 triệu đồng so với 31/12/2020.

- Tổng tài sản của kỳ báo cáo là: 840.668 triệu đồng, giảm 4.044 triệu đồng so với 31/12/2020.

- Công nợ phải thu của kỳ báo cáo là: 2.088 triệu đồng, giảm 1.975 triệu đồng so với 31/12/2020, không có nợ khó đòi.

- Công nợ phải trả của kỳ báo cáo là: 2.250 triệu đồng, giảm 4.152 triệu đồng so với 31/12/2020, không có nợ quá hạn.

d. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

- Trong 6 tháng đầu năm 2021, doanh nghiệp tuân thủ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách nhà nước.

- Doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ chế độ chính sách tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

- Doanh nghiệp không bị lập biên bản vi phạm hành chính nào liên quan đến việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật của nhà nước.

đ. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích

- Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích (diện tích tưới tiêu (ha) thực hiện 6 tháng đầu năm 2021 là: 29.084,55 ha, đạt 65% kế hoạch năm 2021; bằng 99,83% so với cùng kỳ năm 2020; không có ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ không đạt yêu cầu.

- Chi phí phát sinh liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện 6 tháng đầu năm 2021 là: 25.000 triệu đồng, đạt 49% so với kế hoạch năm 2021, bằng 78% so với cùng kỳ năm 2020.

- Về doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích 6 tháng đầu năm 2021 là: 25.000 triệu đồng, đạt 49% so với kế hoạch năm 2021, bằng 78% so với cùng kỳ năm 2020.

e. Tình hình thực hiện các kiến nghị trước đó của [Chủ sở hữu/Kiểm toán/ Thanh tra/ cơ quan quản lý TCDN]:

Không có kiến nghị nào của các cơ quan nhà nước.

1.2. Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty 6 tháng đầu năm 2021.

Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty trong 6 tháng đầu năm 2021 còn có những khó khăn chủ yếu do nguyên nhân khách quan: Giá cả yếu tố đầu vào tăng theo cơ chế thị trường, thời tiết diễn biến bất thường mưa bão, hạn hán, kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi mới chỉ hỗ trợ 49% trên tổng kế hoạch doanh thu cả năm ... Nhưng công ty vẫn đảm bảo phục vụ tưới, tiêu tốt cho diện tích 29.084,55 ha. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích của kỳ báo cáo là: 25.000 triệu đồng; hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn là 4,73 lần đảm bảo an toàn về tài chính. Công ty đóng đầy đủ chế độ chính sách tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, chấp hành đầy đủ pháp luật và các quy định của Nhà nước.

2. KẾT LUẬN CỦA CHỦ SỞ HỮU

- Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty được duy trì ổn định, kết quả sản xuất kinh doanh có lãi, chiều hướng sản xuất kinh doanh trong năm sẽ đảm bảo hoàn thành kế hoạch, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động

- Các chỉ tiêu tài chính của công ty tốt, đảm bảo an toàn về tài chính.

- Công ty đã chấp hành đầy đủ các chế độ, quy định, chính sách pháp luật hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp – An toàn về tài chính ☒ – Mất an toàn về tài chính ☐

Nam Định, ngày 10 tháng 8 năm 2021

ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU



**CHỦ TỊCH
ĐẶNG MẠNH DƯƠNG**

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2020	Thực hiện năm 2021		Biến động so với cùng kỳ (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Năm 2019	Năm 2020	Kế hoạch năm
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]=[5]/[2]	[7]=[5]/[3]	[8]=[5]/[4]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu(ha)	29.134,78	29.134,78	44.499,12	29.084,44	99,83	99,83	65,36
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3. Tồn kho cuối kỳ	5.941,00	5.683,00	6.500,00	6.471,00	108,92	113,87	99,55
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.569,00	33.265,00	51.354,00	25.007,00	72,34	75,18	48,70
2. Giá vốn hàng bán	33.717,00	30.766,00	45.954,00	22.574,00	66,95	73,37	49,12
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	852,00	2.499,00	5.400,00	2.432,00	285,45	97,32	45,04
4. Doanh thu hoạt động tài chính	2.446,00	586,95	200,00	136,00	5,56	23,17	68,00
5. Chi phí tài chính	-						
6. Chi phí bán hàng	-						
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.359,00	2.490,94	5.400,00	2.472,00	104,79	99,24	45,78
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	939,00	595,01	200,00	96,00	10,22	16,13	48,00
9. Thu nhập khác	12,00	0,10	5,00	74,00			
10. Chi phí khác	-	0,03	5,00	34,00			
11. Lợi nhuận khác	12,00	0,07		40,00			
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	951,00	595,08	200,00	136,00	14,30	22,85	68,00
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	190,00	83,24	40,00	27,00	14,21	32,44	67,50
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	761,00	511,84	160,00	109,00		21,30	68,13

Người lập

Vũ Văn Mạnh



Đặng Mạnh Dương

Giao Thủy, ngày 8 tháng 8 năm 2021

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH NĂM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm. (Ha)	44.499,12	29.084,55	65	99,83
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu?	Không	Không		
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu?	Không	Không		
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm (tr đồng)	51.149	25.000	49	78
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm (tr đồng)	51.149	25.000	49	78

Người lập



Vũ Văn Mạnh



Giao Thủy ngày 10 tháng 8 năm 2021

Đặng Mạnh Dương

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ năm sau
1. Thuế	(387,56)	71,73	48,85	(364,69)
- Thuế GTGT	(393,49)	8,09	8,29	(393,69)
- Thuế TNDN	6,04	27,30	6,04	27,30
- Thuế Xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
- Thuế đất	(0,1)	22,64	22,53	0,00
- Các khoản thuế khác	-	-	-	-
- Thuế môn bài	-	3,00	3,00	-
- Thuế TNCN	-	10,70	9,00	1,70
2. Các khoản phải nộp khác		0,09	0,09	
- Phí, lệ phí				
- Các khoản phải nộp khác		0,09	0,09	
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định				
Tổng cộng	(387,56)	71,82	48,94	(364,69)

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2021

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	302,99			302,99
2. Quỹ Khen thưởng	31,00	0	1,10	29,90
3. Quỹ phúc lợi	1	915,00	916,00	0,00
3. Quỹ thưởng VCQLDN				
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN				
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

Người lập



Vũ Văn Mạnh



Đặng Mạnh Dương